

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



(trước đây là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

1902
PH
NG C
IU KI
HON PH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
		miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2004
ÔNG
HỮU
M. T. A.
Ú-1.P.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 12 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính riêng này được phát hành cho mục đích nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là “Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động”) (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã phát hành báo cáo tài chính riêng kèm theo, thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán. Theo đó, chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán độc lập này để thay thế cho báo cáo kiểm toán độc lập đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với báo cáo tài chính riêng trước đó của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		45.902.380.724.646	41.016.117.093.927
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.754.805.560.503	4.073.920.767.399
111	1. Tiền		3.554.805.560.503	3.503.852.493.449
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	570.068.273.950
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.102.380.958.687	15.647.181.273.443
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.102.380.958.687	15.647.181.273.443
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.936.884.751.500	3.545.013.315.088
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	242.858.186.035	291.537.851.179
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.159.329.837	15.744.370.116
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.148.000.000.000	1.171.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.538.867.235.628	2.065.813.396.155
140	IV. Hàng tồn kho	10	17.799.509.595.546	17.433.879.428.706
141	1. Hàng tồn kho		18.222.607.281.484	17.638.328.325.626
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		308.799.858.410	316.122.309.291
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	268.727.941.201	297.603.858.519
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		40.071.917.209	18.518.450.772
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.330.406.226.155	5.748.166.166.096
210	I. Phải thu dài hạn		249.488.689.910	309.422.171.367
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	9.244.973.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	249.488.689.910	300.177.198.038
220	II. Tài sản cố định		1.432.227.787.469	2.646.141.319.712
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.406.228.908.969	2.620.142.441.212
222	Nguyên giá		9.622.024.554.678	10.248.716.048.819
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.215.795.645.709)	(7.628.573.607.607)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.941.859.483	2.901.089.795
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.941.859.483	2.901.089.795
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		2.365.056.004.466	2.695.056.004.466
251	1. Đầu tư vào các công ty con	16.1	2.780.912.391.737	2.619.066.671.737
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	16.2	286.632.252.729	286.632.252.729
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(702.488.640.000)	(670.642.920.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	460.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		278.691.884.827	94.645.580.756
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	24.712.228.152	37.143.086.791
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	253.979.656.675	57.502.493.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.232.786.950.801	46.764.283.260.023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		29.630.943.884.937	27.516.596.459.061
310	I. Nợ ngắn hạn		29.630.943.884.937	25.627.146.459.061
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.158.175.789.117	5.205.737.222.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		88.506.854.304	86.685.444.326
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	584.027.449.484	300.529.184.706
314	4. Phải trả người lao động		132.002.387.000	144.962.054.798
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.081.533.490.879	685.303.284.281
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.723.198.012	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	660.361.365.396	751.320.974.856
320	8. Vay ngắn hạn	21.1	19.834.373.683.834	18.384.672.489.290
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		70.239.666.911	67.935.804.338
330	II. Nợ dài hạn		-	1.889.450.000.000
338	1. Vay dài hạn		-	1.889.450.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.601.843.065.864	19.247.686.800.962
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	20.601.843.065.864	19.247.686.800.962
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.240.324.255.864	14.886.167.990.962
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		12.136.167.990.967	13.160.411.985.698
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		4.104.156.264.897	1.725.756.005.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.232.786.950.801	46.764.283.260.023



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	91.984.185.491.966	85.545.372.009.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	91.100.237.041.776	84.590.975.639.552
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 29	(74.466.066.849.425)	(70.620.538.673.123)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.634.170.192.351	13.970.436.966.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.651.587.260.364	1.701.046.568.633
22	7. Chi phí tài chính	25	(729.376.295.214)	(1.145.527.375.933)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(695.030.896.275)	(1.074.878.904.251)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(9.817.744.811.062)	(11.279.425.689.962)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(2.400.236.185.298)	(883.616.849.008)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.338.400.161.141	2.362.913.620.159
31	11. Thu nhập khác	28	19.192.653.348	24.957.567.448
32	12. Chi phí khác	28	(223.493.093.510)	(208.329.487.863)
40	13. Lợi nhuận khác	28	(204.300.440.162)	(183.371.920.415)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.226.420.618.792)	(393.496.576.363)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	30.1	196.477.162.710	(60.289.118.117)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.104.156.264.897	1.725.756.005.264

Thảo

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

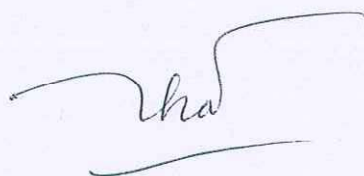
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	994.223.949.422	1.317.964.110.584
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		252.798.371.591	(97.952.383.914)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.133.542)	(368.727.798)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.255.427.459.061)	(1.332.187.818.942)
06	Chi phí lãi vay	25	695.030.896.275	1.074.878.904.251
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.820.621.345.664	3.141.875.783.925
09	Giảm các khoản phải thu		251.139.153.256	581.693.352.832
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(584.278.955.858)	4.056.439.879.466
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.311.722.882.391	(3.203.461.162.309)
12	Giảm chi phí trả trước		41.306.775.957	111.670.989.013
14	Tiền lãi vay đã trả		(697.703.416.908)	(1.090.443.893.525)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(932.426.715.489)	(818.968.881.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.210.381.069.013	2.778.806.067.638
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(73.706.337.363)	(207.521.821.752)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		20.162.822.027	7.348.159.690
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(35.447.767.752.133)	(27.409.613.656.928)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		30.485.730.737.856	18.211.685.675.908
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(161.845.720.000)	(724.074.462.729)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.000.000.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.837.574.645.613	893.108.109.131
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.339.851.604.000)	(9.219.067.996.680)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	71.945.209.169.190	69.364.661.211.322
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(72.384.957.974.646)	(61.837.641.673.029)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22	(2.749.999.999.995)	(200.009.999.795)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(3.189.748.805.451)	7.327.009.538.498

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(319.219.340.438)	886.747.609.456
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.073.920.767.399	3.186.804.430.145
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.133.542	368.727.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	3.754.805.560.503	4.073.920.767.399



Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22.367 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 26.745 người).

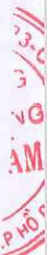
2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 12 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích giúp Công ty tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính riêng của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh riêng thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

00
0N
0U
TÁ
I.P.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

T.H.D



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	253.640.822.336	688.706.230.286
Tiền gửi ngân hàng	3.242.417.073.848	2.431.308.853.278
Tiền đang chuyển	58.747.664.319	383.837.409.885
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	200.000.000.000	570.068.273.950
TỔNG CỘNG	3.754.805.560.503	4.073.920.767.399

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	12.903.064.712.329	13.065.937.575.725
Đầu tư khác (ii)	6.199.316.246.358	2.581.243.697.718
TỔNG CỘNG	<u>19.102.380.958.687</u>	<u>15.647.181.273.443</u>

- (i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.
(ii) Đây là các khoản trái phiếu năm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	226.617.206.822	275.384.637.494
- Công ty Tài Chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	82.179.250.662	199.794.423.211
- Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	59.659.077.990	26.813.575.632
- Khác	84.778.878.170	48.776.638.651
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	16.240.979.213	16.153.213.685
TỔNG CỘNG	<u>242.858.186.035</u>	<u>291.537.851.179</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	3.720.667.458	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Dịch Vụ Hữu Nghĩa	709.403.702	820.229.212
Công ty TNHH Sài Gòn CPA	683.167.648	-
Khác	2.046.091.029	14.924.140.904
TỔNG CỘNG	<u>7.159.329.837</u>	<u>15.744.370.116</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên thứ ba), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu nhà cung cấp (i)	1.023.969.243.621	1.171.471.124.933
- Công Ty TNHH Apple Việt Nam	177.001.918.901	57.480.162.078
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	123.491.899.918	154.622.689.360
- Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex	95.772.412.644	200.572.240.839
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Số	78.168.874.253	96.902.946.152
- Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	76.666.694.500	86.026.845.242
- Khác	472.867.443.405	575.866.241.262
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	31.224.723.432	48.123.680.198
Phải thu lãi tiền gửi	465.479.191.828	827.685.946.213
Các khoản khác	18.194.076.747	18.532.644.811
TỔNG CỘNG	<u>1.538.867.235.628</u>	<u>2.065.813.396.155</u>

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Điện thoại di động	6.308.558.749.355	5.623.974.514.129
Thiết bị điện tử	5.642.433.998.542	5.791.135.171.256
Thiết bị gia dụng	2.987.823.278.813	3.702.475.527.588
Máy tính xách tay	1.394.857.344.900	952.381.256.823
Phụ kiện	1.135.937.046.238	752.359.819.674
Máy tính bảng	246.873.698.461	141.086.706.363
Đồng hồ và mắt kính	183.440.081.019	230.045.847.634
Hàng hóa khác	322.683.084.156	444.869.482.159
TỔNG CỘNG	<u>18.222.607.281.484</u>	<u>17.638.328.325.626</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(423.097.685.938)</u>	<u>(204.448.896.920)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>17.799.509.595.546</u>	<u>17.433.879.428.706</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(204.448.896.920)	(362.053.661.406)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	204.448.896.920	362.053.661.406
Số cuối năm	<u>(423.097.685.938)</u>	<u>(204.448.896.920)</u>

(trước đây là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	268.727.941.201	297.603.858.519
Chi phí thuê cửa hàng	258.309.167.896	275.772.939.734
Công cụ, dụng cụ	3.031.821.469	2.275.694.007
Chi phí thiết kế cửa hàng	1.845.561.507	973.028.523
Khác	5.541.390.329	18.582.196.255
Dài hạn	24.712.228.152	37.143.086.791
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.510.473.848	19.790.796.692
Chi phí thuê cửa hàng	7.677.687.318	8.989.182.285
Công cụ, dụng cụ	2.499.819.075	8.100.038.637
Chi phí khác	2.024.247.911	263.069.177
TỔNG CỘNG	<u>293.440.169.353</u>	<u>334.746.945.310</u>

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.



Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				VND
Số đầu năm	8.945.857.476.919	296.532.644.251	1.006.325.927.649	10.248.716.048.819
Mua mới	5.083.764.962	-	6.104.074.600	11.187.839.562
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.532.033.332	-	1.272.758.000	9.804.791.332
Thanh lý	(555.586.576.559)	(1.527.228.600)	(90.570.319.876)	(647.684.125.035)
Số cuối năm	8.403.886.698.654	295.005.415.651	923.132.440.373	9.622.024.554.678
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	5.006.325.387.509	106.116.661.426	747.714.560.556	5.860.156.609.491
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(6.560.996.034.526)	(192.881.793.488)	(874.695.779.593)	(7.628.573.607.607)
Khấu hao trong năm	(885.041.195.893)	(34.013.327.703)	(75.169.425.826)	(994.223.949.422)
Thanh lý	327.278.728.111	1.058.825.004	78.664.358.205	407.001.911.320
Số cuối năm	(7.118.758.502.308)	(225.836.296.187)	(871.200.847.214)	(8.215.795.645.709)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.384.861.442.393	103.650.850.763	131.630.148.056	2.620.142.441.212
Số cuối năm	1.285.128.196.346	69.169.119.464	51.931.593.159	1.406.228.908.969

(Kể từ đây là Công ty Cổ phần The Gioi Di Động)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất Phần mềm máy tính</i>		<i>VND</i>
			<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	<u>25.998.878.500</u>	<u>10.772.197.700</u>	<u>36.771.076.200</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm và cuối năm	<u>-</u>	<u>(10.772.197.700)</u>	<u>(10.772.197.700)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm và cuối năm	<u>25.998.878.500</u>	<u>-</u>	<u>25.998.878.500</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

16.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND
MWG (Cambodia) Co., Ltd (i)	Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	100,00	702.488.640.000	100,00	670.642.920.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	99,99	2.078.423.751.737	99,99	1.948.423.751.737
TỔNG CỘNG				2.780.912.391.737		2.619.066.671.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(i) MWG (Cambodia) Co., Ltd. là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự và Hình sự của Vương quốc Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 00020766 do Bộ Thương mại của Vương quốc Campuchia cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016. TGDD Cambodia có trụ sở chính tại Số 8, Đường 245, Xã Sangkat Toule Bassac I, Quận Khan Chamkamon, Thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia.

Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

(ii) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314587300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 18 tháng 9 năm 2024.

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

Hoạt động kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Số tiền VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số tiền VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %
PT Era Blu Elektronik Kinh doanh thiết bị điện tử	286.632.252.729	-	45	286.632.252.729	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.943.240.953.220	5.149.298.265.688
- Công ty Cổ phần Thế Giới Số	494.430.598.816	139.020.442.642
- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	368.233.274.979	234.769.239.766
- Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	330.376.839.713	337.324.152.646
- Chi Nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT	328.278.198.699	98.858.065.553
- Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba	319.793.975.590	374.086.979.559
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang	307.039.995.338	147.460.522.918
- Khác	3.795.088.070.085	3.817.778.862.604
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	214.934.835.897	56.438.956.778
TỔNG CỘNG	6.158.175.789.117	5.205.737.222.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.213.830.951	1.226.420.618.792	(932.426.715.489)	403.207.734.254
Thuế giá trị gia tăng	175.392.802.116	12.644.584.191.441	(12.647.420.313.786)	172.556.679.771
Thuế thu nhập cá nhân	14.720.559.385	150.807.518.497	(157.895.207.269)	7.632.870.613
Khác	1.201.992.254	15.688.204.524	(16.260.031.932)	630.164.846
TỔNG CỘNG	300.529.184.706	14.037.500.533.254	(13.754.002.268.476)	584.027.449.484

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng nhân viên	1.521.285.418.010	353.337.348.301
Chi phí tiếp thị quảng cáo	220.288.299.910	103.602.236.401
Chi phí hỗ trợ lãi suất	118.426.634.122	77.444.151.629
Các khoản phải trả nhân viên	76.992.803.097	18.699.126.044
Chi phí lãi vay	55.361.378.288	42.092.648.233
Chi phí tiện ích	51.253.024.056	64.793.599.570
Chi phí vận chuyển	7.382.232.358	8.569.062.808
Khác	30.543.701.038	16.765.111.295
TỔNG CỘNG	2.081.533.490.879	685.303.284.281

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu hộ cưỡng phí	420.467.346.267	569.795.789.534
Phiếu mua hàng	108.650.944.688	50.838.045.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	64.517.277.611	48.605.942.235
Nhận ký quỹ	20.995.000.000	21.600.000.000
Lãi vay bên liên quan	-	15.941.250.688
Khác	45.730.796.830	44.539.947.399
TỔNG CỘNG	660.361.365.396	751.320.974.856
Trong đó:		
<i>Phải trả bên khác</i>	638.424.407.104	709.665.642.566
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	21.936.958.292	41.655.332.290

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY	Số đầu năm	Thu từ đi vay	Trả nợ vay	VND
Ngắn hạn				
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)	18.384.672.489.290	71.652.809.169.190	(70.203.107.974.646)	19.834.373.683.834
	18.384.672.489.290	71.652.809.169.190	(70.203.107.974.646)	19.834.373.683.834
Dài hạn				
Vay dài hạn bên liên quan	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
TỔNG CỘNG	20.274.122.489.290	71.945.209.169.190	(72.384.957.974.646)	19.834.373.683.834

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tin chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn
	VND	
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	19.834.373.683.834	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025



(trước đây là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	13.360.421.985.493	17.721.940.795.493
Lợi nhuận thuần trong năm	-	1.725.756.005.264	1.725.756.005.264
Chia cổ tức	-	(200.009.999.795)	(200.009.999.795)
Số cuối năm	<u>4.361.518.810.000</u>	<u>14.886.167.990.962</u>	<u>19.247.686.800.962</u>
Năm nay:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.104.156.264.897	4.104.156.264.897
Chia cổ tức (i)	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	<u>4.361.518.810.000</u>	<u>16.240.324.255.864</u>	<u>20.601.843.065.864</u>

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 2.749.999.999.995 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 19 tháng 3 năm 2024; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 9 năm 2024 và 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 1 tháng 11 năm 2024.

22.2 Chi tiết vốn đã góp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	435.910.240	99,94	435.910.240	99,94
Các cá nhân	241.641	0,06	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	<u>436.151.881</u>	<u>100,00</u>	<u>436.151.881</u>	<u>100,00</u>

Các cổ động nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

(trước đây là Công ty Cổ phần The Giới Di Động)
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	91.984.185.491.966	85.545.372.009.196
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	91.442.773.850.246	84.952.397.282.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.411.641.720	592.974.726.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Hàng bán bị trả lại	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
Doanh thu thuần	91.100.237.041.776	84.590.975.639.552
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	90.558.825.400.056	83.998.000.912.820
Doanh thu cung cấp dịch vụ	541.411.641.720	592.974.726.732

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	1.475.367.891.228	1.530.736.291.722
Chiết khấu thanh toán	173.637.343.565	168.653.754.684
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302.031.614	1.656.522.227
Khác	1.279.993.957	-
TỔNG CỘNG	1.651.587.260.364	1.701.046.568.633

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	74.466.066.849.425	70.620.538.673.123

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	695.030.896.275	1.074.878.904.251
Dự phòng tổn thất đầu tư	31.845.720.000	67.977.684.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.577.797	-
Khác	2.409.101.142	2.670.787.463
TỔNG CỘNG	729.376.295.214	1.145.527.375.933

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.173.606.311	5.995.511.891.717
Chi phí nhân viên	3.482.154.917.142	3.942.259.239.488
Chi phí khấu hao và hao mòn	994.051.623.206	1.317.720.329.216
Chi phí khác	61.364.664.403	23.934.229.541
TỔNG CỘNG	<u>9.817.744.811.062</u>	<u>11.279.425.689.962</u>

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.861.933.544.132	465.415.148.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.572.137.749	411.128.891.525
Chi phí khấu hao và hao mòn	172.326.216	243.781.368
Chi phí khác	42.558.177.201	6.829.028.058
TỔNG CỘNG	<u>2.400.236.185.298</u>	<u>883.616.849.008</u>

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	19.192.653.348	24.957.567.448
Chi phí khác	223.493.093.510	208.329.487.863
Lỗ từ thanh lý tài sản	219.940.432.167	205.896.632.470
Các khoản khác	3.552.661.343	2.432.855.393
LỖ KHÁC THUẦN	<u>204.300.440.162</u>	<u>183.371.920.415</u>

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	74.466.066.849.425	70.620.538.673.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.775.745.744.060	6.406.640.783.242
Chi phí nhân viên	5.344.088.461.274	4.407.674.387.545
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	994.223.949.422	1.317.964.110.584
Chi phí khác	103.922.841.604	30.763.257.599
TỔNG CỘNG	<u>86.684.047.845.785</u>	<u>82.783.581.212.093</u>

320
ÁN
DNC
HU
HON

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.231.137.391.667	392.696.324.328
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
	1.226.420.618.792	393.496.576.363
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(196.477.162.710)	60.289.118.117
TỔNG CỘNG	1.029.943.456.082	453.785.694.480

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.026.819.944.196	435.908.339.949
<i>Các điều chỉnh</i>		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí không được trừ	1.471.140.761	3.481.565.652
Dự phòng đầu tư nước ngoài	6.369.144.000	13.595.536.844
Chi phí thuế TNDN ước tính	1.029.943.456.082	453.785.694.480

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	144.812.651.110	-	- 144.812.651.110 (30.116.274.400)	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84.619.537.188	40.889.779.384	43.729.757.804	(31.520.952.897)
Dự phòng chi phí bảo hành	14.047.933.382	13.587.160.869	460.772.513	(1.665.060.697)
Dự phòng khấu hao	6.175.722.101	3.099.299.272	3.076.422.829	3.099.299.272
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4.344.639.602	-	4.344.639.602	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.826.708)	(73.745.560)	52.918.852	(86.129.395)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>253.979.656.675</u>	<u>57.502.493.965</u>		
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại			<u>196.477.162.710</u> (60.289.118.117)	

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm ("CIRM JSC")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức	2.748.476.418.927	199.899.193.902	-
	Thanh toán vay	2.181.850.000.000	-	-
	Vay	292.400.000.000	999.600.000.000	-
	Lãi vay	79.322.775.940	237.895.991.666	-
CIRM JSC	Mua dịch vụ	1.705.838.285.052	1.566.333.182.612	-
	Mua hàng hóa	463.353.422.465	342.977.334.396	-
	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.716.400.000	24.217.656.691	-
	Bán tài sản cố định	636.753.358	410.577.535	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	488.665.818.561	399.653.248.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	232.836.788.855	215.436.353.648	-
	Bán dịch vụ	22.451.542.601	157.744.087.353	-
	Bán tài sản cố định	762.957.282	273.481.835	-
	Mua tài sản cố định	21.111.349	2.217.870.330	-
	Mua hàng hóa	594.444	593.291.822	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Góp vốn	130.000.000.000	-	-
	Bán hàng hóa	15.339.604.308	17.604.838.958	-
	Mua tài sản cố định	1.714.125.708	-	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	80.299.356.385	120.564.793.840	-
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Góp vốn	31.845.720.000	-	-

(trước đây là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
			Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	15.055.043.664	14.724.762.524
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	1.089.321.304	1.324.674.917
CIRM JSC	Bán hàng hóa	96.614.245	103.776.244
		16.240.979.213	16.153.213.685
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Cho thuê Chi hộ	14.119.569.377	-
		3.674.261.934	29.733.663.841
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	8.092.456.265	11.651.666.649
CIRM JSC	Dịch vụ khác	4.333.954.056	6.649.275.926
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	915.377.030	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	89.104.770	78.344.915
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Chi hộ	-	10.728.867
		31.224.723.432	48.123.680.198
Phải trả người bán ngắn hạn			
CIRM JSC	Mua dịch vụ	153.304.334.357	16.597.691
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	56.012.713.892	51.418.025.597
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.473.324.841	4.268.254.321
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	144.462.807	148.173.500
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thuê cửa hàng	-	587.905.669
		214.934.835.897	56.438.956.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	16.586.301.424	75.747.241
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	4.717.652.365	22.767.849.290
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	620.202.279	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	12.802.224	2.870.485.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Lãi vay	-	15.941.250.689
		21.936.958.292	41.655.332.290
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Vay	-	1.889.450.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	230.080.000
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.711.436.506	1.075.834.076
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	584.280.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	851.893.154	562.348.000
TỔNG CỘNG		2.563.329.660	2.452.542.076

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.138.748.458.710	2.451.301.826.798
Từ 1 đến 5 năm	5.981.249.192.600	7.363.282.427.529
Trên 5 năm	1.949.689.552.190	3.226.742.074.004
TỔNG CỘNG	10.069.687.203.500	13.041.326.328.331

(trước đây là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thành Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thảo
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: **28-02-2026**
Số CT: **002596-02** /SCT/BS
Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG CHỨNG VIÊN
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2026
CÔNG CHỨNG VIÊN CHỦ KIM TÂM
SỞ K.H.Đ: 792019/2023
T. P. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Quy

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn